

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1672/2025/DS-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý
2. Ông Lê Văn Khanh

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST – DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 431/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 325/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T; Trụ sở: số 2xx-xxx đường N , phường X (phường V, Quận E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Thành N, sinh năm 19xx (Văn bản uỷ quyền số 6901/2024/UQ-TGD ngày 07/10/2024)

2. *Bị đơn:* ông Lê Đức Phước V, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số 4xx/xx đường L, phường B (phường B, quận B1), Thành phố Hồ Chí Minh.

(nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của đương sự tại phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng

các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng T có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ngày 08/8/2019, ông Lê Đức Phước V có ký với Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu thập của ông V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện các giao với tổng số tiền là 499.688.536 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông V thanh toán cả gốc và lãi cho Ngân hàng số tiền 451,199,000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông V vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 25/9/2025, ông V còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 58,440,474 đồng
- Lãi quá hạn: 136,675,427 đồng
- Tổng cộng: 195,115,901 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Tại Toà án, nguyên đơn yêu cầu Toà án:

1. Buộc ông Lê Đức Phước V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 195,115,901 đồng trong đó:

- Nợ gốc: 58,440,474 đồng
- Lãi quá hạn: 136,675,427 đồng

2. Ông Lê Đức Phước V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Lê Đức Phước V trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng T chỉ yêu cầu cá nhân ông Lê Đức Phước V có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu vợ ông V (nếu có) liên đới trả nợ.

Khi ký Hợp đồng với Ngân hàng thì bị đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số 4xx/xx đường L, phường B (phường B, quận B1), Thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến nay, ông V không có bất kỳ thông báo nào cho Ngân hàng biết địa chỉ nào khác của ông V. Do đó, Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ nào khác của ông V cho Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Phước V: vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng, hòa giải, phiên họp thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, thủ tục phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông V phải trả cho Ngân hàng số tiền 195,115,901 đồng (gồm 58,440,474 đồng tiền gốc; 136,675,427 đồng tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm) và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/8/2019, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng T giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đức Phước V là quan hệ hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân với mục đích vay là tiêu dùng cho cá nhân.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/8/2019 thì ông Nguyễn Tấn P cung cấp địa chỉ tại số 4xx/xx đường L, phường B (phường B, quận B1), Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về cư trú đối với bị đơn thì đương sự Lê Đức Phước V có hộ khẩu thường trú tại số 4xx/xx đường L, phường B (phường B, quận B1), Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương, không thực tế cư trú từ năm 2020 đến nay; có thực tế cư ngụ tại 4xx đường K, khu phố Y, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh từ thời gian 17/10/2024 đến ngày 01/02/2025, hiện công dân V đã trả phòng và không rõ nơi đến. Như vậy người khởi kiện được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục vụ án dân sự là đúng thẩm quyền được quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Tấn P không đến tòa để trình bày ý kiến, tham dự hòa giải cũng như phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ kiện. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ đại diện nguyên đơn nhưng đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét việc Ngân hàng T yêu cầu ông Nguyễn Đức Phước V phải thanh toán nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/8/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn là ông Nguyễn Đức Phước V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án

- Về số nợ vốn vay: căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/8/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T có cơ sở xác định ông Nguyễn Đức Phước V có vay của

Ngân hàng số tiền gốc là 499,688,536 đồng. Do ông Nguyễn Đức Phước V không trả được nợ vốn nên Ngân hàng khởi kiện ông V trả tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở để xem xét. Quá trình thực hiện hợp đồng ông V chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 58,440,474 đồng. Như vậy số tiền nợ gốc ông V còn phải trả cho Ngân hàng là 58,440,474 đồng. Việc ông V vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đã được các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 08/8/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông V phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 58,440,474 đồng.

- Về tiền lãi quá hạn: Xét trong việc thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 08/8/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T, ông V là bên vi phạm hợp đồng, không trả lãi đúng hạn quy định theo hợp đồng. Theo lời khai của đại diện nguyên đơn thì trong quá trình thực hiện hợp đồng ông V chưa thanh toán số tiền lãi là 136,675,427 đồng. Xét số tiền lãi do Ngân hàng yêu cầu được tính dựa trên mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 08/8/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T. Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản pháp luật có liên quan về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc ông V phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 23/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 136,675,427 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Như vậy, tổng cộng ông Nguyễn Đức Phước V phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 25/9/2025 là 195,115,901 đồng (trong đó nợ gốc là 58,440,474 đồng, tiền lãi quá hạn là 136,675,427 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Đức Phước V phải chịu án phí sơ thẩm là 9,755,795 đồng do phải trả cho Ngân hàng số tiền là 195,115,901 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 217, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các điều 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với ông Nguyễn Đức Phước V:

Buộc ông Nguyễn Đức Phước V phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền còn nợ của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 08/8/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T với tổng số tiền là 195,115,901 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu, một trăm mười lăm nghìn, chín trăm lẻ một đồng). Trong đó: nợ gốc là 58,440,474 đồng, nợ lãi quá hạn là 136,675,427 đồng.

Ông Nguyễn Đức Phước V phải thanh toán cho Ngân hàng T tiền lãi tính kể từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/8/2019 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T.

Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đức Phước V phải nộp 9,755,795 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4,180,845 (bốn triệu, một trăm tám mươi nghìn, tám trăm bốn mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0048717 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án sơ thẩm xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV9 TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh